

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
TRƯỜNG MN HẠNH THÔNG TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 9 NĂM 2023**

| STT | DIỄN GIẢI                                                                      | NHÀ TRẺ | MẪU GIÁO                                                                       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Học phí ( Chờ văn bản hướng dẫn )                                              |         |                                                                                |
| 02  | Học năng khiếu, Vẽ, Võ, TDND, Đàn ( 57.000đ/ môn/ tháng )                      |         | Tùy theo nhu cầu đăng ký môn học của phụ huynh học sinh ( Chưa thực hiện học ) |
| 03  | Học ngoại ngữ với người nước ngoài ( 120.000đ/môn/ tháng )                     |         |                                                                                |
| 04  | Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú                                          | 230.000 | 230.000                                                                        |
| 05  | Vệ sinh bán trú                                                                | 28.000  | 28.000                                                                         |
| 06  | Tiền phục vụ ăn sáng                                                           | 115.000 | 115.000                                                                        |
| 07  | Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng bán trú ( 1 năm / 1 học sinh )                 | 172.000 | 172.000                                                                        |
| 08  | Tiền chi trả hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng theo NQ.04/2017/NQ HĐND             |         |                                                                                |
| 8.1 | Đối với trẻ nhà trẻ                                                            | 160.000 |                                                                                |
| 8.2 | Đối với trẻ mẫu giáo                                                           |         | 145.000                                                                        |
| 09  | Tiền mua sắm đồ dùng phục ( Theo nhu cầu đăng ký phụ huynh)                    |         |                                                                                |
| 10  | Tiền học phẩm ( 1 năm / 1 học sinh )                                           | 50.000  | 50.000                                                                         |
| 11  | Tiền học cụ, học liệu ( 1 năm / 1 học sinh )                                   | 230.000 | 230.000                                                                        |
| 12  | Tiền ăn bán trú ( 18 ngày x 35.000đ/ 1 ngày )                                  | 630.000 | 630.000                                                                        |
| 13  | Tiền ăn sáng ( 15 ngày x 15.000đ/ 1 ngày tháng 9/2023 nhà trẻ chưa thực hiện ) | 0       | 225.000                                                                        |



|    |                                                       |                  |                  |
|----|-------------------------------------------------------|------------------|------------------|
| 14 | Tiền nước uống                                        | 13.000           | 13.000           |
| 15 | Khám sức khỏe ban đầu học sinh ( 1 năm / 1 học sinh ) | 20.000           | 20.000           |
| 16 | Tiền bảo hiểm tai nạn học sinh ( 1 năm / 1 học sinh ) | 30.000           | 30.000           |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                      | <b>1.678.000</b> | <b>1.888.000</b> |

Gò Vấp, ngày 02 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng



\*Nguyễn Thị Hoàng Mai

